

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Phúc.

Ông Nguyễn Huy Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2019 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 99/4, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Trương Thanh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 52, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa bà M có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Thanh T kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Vợ chồng chung sống được khoảng ba tháng thì ông T không có khả năng làm kinh tế và ở nhà phụ bà buôn bán dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Thời gian vợ chồng chung sống bà đi học thêm ông T ở nhà nghỉ ngơi bà, còn đánh đập bà, xúc phạm gia đình bà. Vợ chồng đã không chung sống với nhau sáu

tháng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông Trương Thanh T.

- Về con chung: Bà và ông T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị M kết hôn năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, ông công nhận có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Nay bà M yêu cầu xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà M không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà M giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), 01 chứng M nhân dân của bà M (bản photo – Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 01 bản tự khai của bà M (bản chính); Bị đơn ông T giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 chứng M nhân dân của ông T (bản photo – Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 01 bản tự khai của ông T (bản chính), 01 đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt (bản chính); Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm có: 01 biên bản xác M ngày 28/5/2019 (bản chính).

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông T và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông T được biết. Do ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị M, xử cho bà Trần Thị M và ông Trương Thanh T được ly hôn; Về con chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Trần Thị M với bị đơn ông Trương Thanh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị M và ông Trương Thanh T hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Bà M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T nghi ngờ bà, còn đánh đập bà, xúc phạm gia đình bà, hiện tại vợ chồng đã không chung sống với nhau sáu tháng. Nay bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông T đã trầm trọng, hiện nay ông bà không còn chung sống, không còn quan T chăm sóc lẫn nhau. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M về việc xin ly hôn với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Bà M và ông T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà M và ông T tự thỏa thuận, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét;

[3] Về án phí:

Buộc bà M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị M, xử cho bà Trần Thị M và ông Trương Thanh T được ly hôn.

- *Về án phí:* Bà Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0006349 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Anh Tuấn